

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN CẦU
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 11/2021/DS-ST
Ngày 08-10-2021
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trang Thái Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hải;
2. Ông Nguyễn Hồng Phúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy An - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đình Lương - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2021/TLST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2021/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 9 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2021/QĐST-DS ngày 28 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đàm Thị G, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

2. *Bị đơn:* Ông Lê L, sinh năm 1965 và bà Võ Thị Kim L, sinh năm 1968

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

Bà G, bà L có đơn xin vắng mặt; ông L vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/5/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Đàm Thị G đã trình bày:

Do quen biết nhau nên vào khoảng năm 2019, bà Võ Thị Kim L có hỏi vay tiền của bà nhiều lần, mỗi lần từ 10.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng, mục

đích vay tiền là để vợ chồng L mở rộng việc kinh doanh buôn bán bên Campuchia và sử dụng trong gia đình. Khi vay tiền bà L đều có ký nhận nợ, lãi suất không ghi vào hợp đồng vay mà thoả thuận bằng lời nói là 1.000.000 đồng thì đóng lãi 2.000 đồng/tháng, thời hạn trả nợ không xác định mà chỉ cần bà thông báo trước cho vợ chồng bà L. Sau khi vay thì bà L trả tiền lãi không đúng như thoả thuận nên bà yêu cầu trả lại tiền vay, hai bên chốt nợ đến ngày 02/12/2019 (dương lịch) thì vợ chồng bà L còn nợ bà số tiền gốc là 105.000.000 đồng, khi đó có chồng bà L là ông Lê L cũng thống nhất nợ chung nhưng không ký tên và hứa đến gần tết sẽ trả hết. Tuy nhiên, từ khi chốt nợ thì bà L trả tiền cho bà được 03 lần, mỗi lần trả 3.000.000 đồng, tổng cộng là 9.000.000 đồng, 02 lần đầu trả nợ không nhớ ngày tháng cụ thể, lần thứ ba trả vào ngày 25/01/2020 (dương lịch), còn nợ lại là 96.000.000 đồng thì không trả nữa. Bà L là người trực tiếp vay của bà nhưng thời điểm này bà L và ông L vẫn là vợ chồng, mục đích vay là sử dụng chung nên bà yêu cầu vợ chồng bà L, ông L có nghĩa vụ cùng liên đới trả cho bà số tiền nợ gốc là 96.000.000 đồng. Đối với yêu cầu tính lãi, tại đơn khởi kiện bà yêu cầu vợ chồng bà L, ông L trả tiền lãi với mức lãi suất 20%/năm nhưng hiện nay gia đình bà L, ông L khó khăn nên bà chỉ yêu cầu tính tiền lãi trên số nợ gốc theo mức lãi suất 10%/năm, tính từ ngày 25/01/2020 (dương lịch) đến khi giải quyết xong vụ án. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Bị đơn bà Võ Thị Kim L đã khai:

Vào khoảng năm 2017 (cụ thể ngày tháng không nhớ) thì vợ chồng bà có mở quán bán cơm trong Casino tại Campuchia nên vợ chồng bà có vay và góp tiền của bà Đàm Thị G nhiều lần, số tiền vay cụ thể không nhớ. Đến ngày 02/12/2019 (dương lịch) thì bà có chốt nợ lại với bà G, có làm giấy tay, đúng là giấy nợ mà bà G cung cấp, xác định còn nợ bà G là 105.000.000 đồng, hứa mỗi tháng sẽ trả cho bà G là 3.000.000 đồng, sau đó vợ chồng bà đã trả được 03 lần, mỗi lần 3.000.000 đồng, tổng cộng là 9.000.000 đồng (lần cuối cùng trả tiền là ngày 25/01/2020 dương lịch). Do hoàn cảnh khó khăn, tình hình dịch bệnh Covid-19 phức tạp, vợ chồng bà không sang Campuchia làm ăn được nên đến nay chưa có tiền trả cho bà G.

Ông Lê L là chồng của bà, hiện đang đi làm xa, ông L biết việc Tòa án triệu tập làm việc nhưng ông L không thể về Tòa án để giải quyết được, ý kiến của ông L là thống nhất ý kiến với bà, xác định đây là nợ chung của vợ chồng và có nghĩa vụ cùng trả cho bà G.

Bà G khởi kiện vợ chồng bà có trách nhiệm liên đới trả cho bà G số tiền gốc là 96.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất là 10%/năm, tính từ ngày 25/01/2020 (dương lịch) đến khi giải quyết xong vụ án thì vợ chồng bà chấp nhận, nhưng hiện gia đình gặp khó khăn nên xin trả dần.

Đối với bị đơn là ông Lê L, qua xác minh tại địa phương thể hiện ông L và bà L là vợ chồng, đang sống với nhau, không có mâu thuẫn gì. Tòa án đã tiến hành cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng qui định, nhưng ông L vắng mặt không có lý do, không có bản khai và không cung cấp tài liệu chứng cứ.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Từ khi thụ lý vụ án nguyên đơn là bà Đàm Thị G và bị đơn là bà Võ Thị Kim L đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được qui định tại Điều 70; Điều 71; Điều 72; Điều 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn là ông Lê L không có mặt theo giấy triệu tập là chưa chấp hành qui định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với ông Lê L là đúng qui định pháp luật. Đối với bà Đàm Thị G và bà Võ Thị Kim L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt là đúng qui định pháp luật. Kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Kiểm sát viên không phát hiện vi phạm tố tụng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ Điều 463, 466, 468, 469 của Bộ luật Dân sự; Điều 27; Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đàm Thị G đối với bà Võ Thị Kim L và ông Lê L. Buộc bà L và ông L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà G số tiền nợ gốc 96.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm trên số tiền nợ gốc.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Buộc bà Võ Thị Kim L, ông Lê L phải chịu án phí; bà Đàm Thị G thuộc trường hợp là người cao tuổi nên được miễn án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các bên cung cấp và qua kết quả thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bà Đàm Thị G khởi kiện yêu cầu bà Võ Thị Kim L và ông Lê L trả tiền vay là tranh chấp về hợp đồng được qui định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà L, ông L có địa chỉ cư trú tại huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh theo khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết bà G, bà L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, riêng ông L được cấp, tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên căn cứ khoản 1, 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ Luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà G, bà L và ông L là đúng qui định pháp luật.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà G thấy rằng: Quá trình làm việc, bà L thừa nhận còn nợ bà G số tiền vay là 96.000.000 đồng, lời thừa nhận của bà L phù hợp với tài liệu, chứng cứ và lời khai của bà G cung cấp. Do đó, đây là sự kiện có thật không phải chứng minh được qui định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc ông L vắng mặt, không có ý kiến, tuy nhiên bà L xác định đây là nợ chung trong thời kỳ hôn nhân đồng thời qua xác minh tại địa phương thì bà L và ông L là vợ chồng, vẫn còn đang chung sống với nhau nên có đủ cơ sở xác định vợ chồng bà L, ông L còn nợ bà G số tiền vay là 96.000.000 đồng.

Bà G yêu cầu trả tiền gốc và tính tiền lãi từ ngày 25/01/2020 đến ngày 08/10/2021 là 01 năm 08 tháng 18 ngày theo mức lãi suất là 10%/năm là phù hợp với qui định tại Điều 466; Điều 468 của Bộ luật Dân sự nên chấp nhận. Cụ thể: 96.000.000 đồng x 10%/năm x 01 năm 08 tháng 12 ngày = 16.320.000 đồng.

Do đó, buộc bà Võ Thị Kim L và ông Lê L cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Đàm Thị G số tiền gốc và tiền lãi 112.320.000 đồng (trong đó, tiền gốc 96.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 08/10/2021 là 16.320.000 đồng).

[3] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Đàm Thị G là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Võ Thị Kim L và ông Lê L phải chịu 5.616.000 đồng; bà Đàm Thị G là người cao tuổi nên được miễn án phí.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463, 466, 468, 469 của Bộ luật Dân sự và Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đàm Thị G đối với bà Võ Thị Kim L và ông Lê L. Buộc bà Võ Thị Kim L và ông Lê L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Đàm Thị G số tiền còn nợ 112.320.000 (một trăm mười hai triệu ba trăm hai mươi nghìn) đồng (trong đó, tiền gốc là 96.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 08/10/2021 là 16.320.000 đồng).

Kể từ ngày 09/10/2021 cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Bà Võ Thị Kim L và ông Lê L phải chịu 5.616.000 (năm triệu sáu trăm mười sáu nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm; bà Đàm Thị G được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

3. Về quyền kháng cáo bản án: Bà Đàm Thị G, ông Lê L và bà Võ Thị Kim L có quyền kháng lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp pháp.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- C.c THADS huyện Bến Cầu;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trang Thái Châu

